

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ BÁO CÁO RIÊNG

QUÝ III - NĂM 2012

Chi tiêu	Ma số	ma TM	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý III/2012	Quý III/2011	9 Tháng năm 2012	9 Tháng năm 2011
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	1	377,637,165,400	615,820,282,112	1,193,020,136,449	1,516,393,708,348
2. Các khoản giảm trừ	02	1	3,826,443,860	0	3,826,443,860	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	1	373,810,721,540	615,820,282,112	1,189,193,692,589	1,516,393,708,348
4. Giá vốn hàng bán	11	2	359,638,193,012	585,203,944,679	1,141,487,640,441	1,432,751,954,280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14,172,528,528	30,616,337,433	47,706,052,148	83,641,754,068
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1	1,445,816,283	5,204,996,712	10,945,428,115	16,057,324,209
7. Chi phí tài chính	22	3	8,139,064,116	13,057,145,282	28,359,315,205	36,372,617,937
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		3,205,669,659	6,449,033,930	11,388,034,811	19,138,691,910
8. Chi phí bán hàng	24		4,693,058,159	14,672,235,461	19,393,374,883	30,629,521,216
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,282,028,767	5,543,555,778	8,527,891,378	14,878,764,431
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+-(21-22)-(24+25)}	30		504,193,769	2,548,397,624	2,370,898,797	17,818,174,693
11. Thu nhập khác	31		6,363,270	601,292,396	221,840,830	1,006,631,918
12. Chi phí khác	32		44,952	62,305	96,277	2,150,058,170
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6,318,318	601,230,091	221,744,553	-1,143,426,252
14. Tổng lợi nhuận KT trước thuế (50=30+40)	50		510,512,087	3,149,627,715	2,592,643,350	16,674,748,441
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	5	0	787,406,929	0	4,089,816,761
16. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51)	60	5	510,512,087	2,362,220,786	2,592,643,350	12,584,931,680

Người Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 11 năm 2012

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hà Huy Thống

Trần Thị Hằng